

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án đường giao thông liên xã từ bản Ché Lầu, xã Na Mèo đi bản Mùa
Xuân, Khà, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn của Ban Quản lý dự án
đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 301/NQ-HĐND ngày 13/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phân bổ nguồn vốn từ ngân sách trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét Văn bản số 5337/STNMT-BVMT ngày 15/6/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án đường giao thông liên xã từ bản Ché Lầu, xã Na Mèo đi bản Mùa Xuân, Khà, xã Sơn Thủy huyện Quan Sơn của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 887/Tr-STNMT ngày 28/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đường giao thông liên xã từ bản Ché Lầu, xã Na Mèo đi bản Mùa Xuân, Khà, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án)

thực hiện tại các xã Sơn Thủy và xã Na Mèo, huyện Quan Sơn với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đường giao thông liên xã từ bản Ché Lầu, xã Na Mèo đi bản Mùa Xuân, Khà, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn thực hiện tại xã Sơn Thủy và xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND các xã: Sơn Thủy; Na Mèo (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án đường giao thông liên xã từ bản Ché Lầu, xã Na Mèo đi bản Mùa Xuân, Khà, xã Sơn Thủy huyện Quan Sơn của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đường giao thông liên xã từ bản Ché Lầu, xã Na Mèo đi bản Mùa Xuân, Khà, xã Sơn Thủy huyện Quan Sơn.

- Địa điểm thực hiện: Tại xã Sơn Thủy và xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn.

+ Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Minh; Chức vụ: Giám đốc

+ Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

Dự án nằm trên địa phận xã Sơn Thủy và xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa với tổng chiều dài khoảng 9.485,98m trong đó:

- Chiều dài đoạn tuyến thiết kế $L=7745,74m$, bao gồm các đoạn:

+ Đoạn Km0+00 – Km2+259,76 dài 2259,76m;

+ Đoạn Km4+00 - Km9+485,98 dài 5485,98m;

- Chiều dài đoạn tuyến từ Km2+259,76 – Km4+00 chất lượng công trình còn tốt, giữ nguyên hiện trạng, không thiết kế có chiều dài 1.740,24m.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Thi công xây dựng nâng cấp, cải tạo tuyến đường với tổng chiều dài khoảng $L=9485,98m$ Trong đó:

+ Chiều dài đoạn tuyến thiết kế $L=7745,74m$, bao gồm các đoạn: Km0+00 – Km2+259,76 dài 2259,76m; đoạn Km4+00 - Km9+485,98 dài 5485,98m: Chiều rộng nền đường $B_n=4,0m$; Chiều rộng mặt đường $B_m=3,0m$; Chiều rộng lề $B_l=2 \times 0,5m$. Kết cấu áo đường áp dụng: Mặt BTXM M300; Móng BTXM M100 tạo phẳng; Ni lông lót chống thấm.

+ Chiều dài đoạn tuyến Km2+259,76 - Km4+00 dài 1740,24m có bề rộng nền đường $B_n=5,0m$, bề rộng mặt đường $B_m=3,0m$, kết cấu mặt đường BTXM, chất lượng công trình còn tốt, giữ nguyên hiện trạng (không thiết kế).

- Công trình thoát nước (bao gồm 35 công trình thoát nước ngang và hệ thống rãnh dọc): Thiết kế vĩnh cửu bằng BT và BTCT, tải trọng thiết kế H30-Xb80; tần suất thiết kế $P=4\%$, thiết kế 01 cầu bản $L=2 \times 8,68m$.

- Thiết kế đường ngang, nút giao: Toàn tuyến có tổng 08 đường ngang, tất cả các giao cắt với đường ngang được thiết kế vượt nổi êm thuận; Đối với nút giao: Toàn tuyến không thiết kế nút giao.

- Thi công, lắp đặt hệ thống đảm bảo an toàn giao thông: cọc tiêu, biển báo, cột Km, cột H,...

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo quy định của pháp luật về đất đai và dưới 03 ha đối với rừng tự nhiên.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các tác động chính của dự án chỉ phát sinh chủ yếu trong giai đoạn xây dựng từ các hoạt động giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, thi công san nền, đường, mặt đường, thi công hệ thống thoát nước,.... hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung,... tác động công nhân thi công, người dân khu vực gần dự án, gần tuyến đường vận chuyển, đến tiêu thoát nước và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

3.1. Nước thải, khí thải:

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công là 0,263 m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 2,6 m³/ngày, trong đó: Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân 1,3 m³/ngày; Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) 1,3 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải xây dựng: chủ yếu là nước thải rửa máy móc, thiết bị khoảng 5,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, quá trình trộn vữa,... Thành phần chủ yếu: bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂ và VOC.

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các công trình nền đường, mặt đường, thi công trình thoát nước,... gồm: bụi và khí thải từ vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO, bụi cuốn theo lốp xe, ... Thành phần chủ yếu: bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂ và VOC.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 29 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- *Chất thải rắn xây dựng:*

+ *Khối lượng chất thải rắn từ sinh khối thực vật phát quang: 15,5 tấn;*

+ *Khối lượng đất đào đắp phong hóa và đất không thích hợp:*

$12.896,56m^3$;

+ *Khối lượng Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá... là 240,1 tấn;*

+ *Khối lượng Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, bao bì xi măng là 38,7 tấn.*

b. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- *Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 5,5 kg/tháng. Thành phần bao gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa....*

- *Chất thải lỏng nguy hại phát sinh lớn nhất khoảng 126,0 lít trong trường hợp xảy ra sự cố hư hỏng xe vận chuyển trên công trường. Thành phần chủ yếu là dầu thải.*

3.3. Các tác động khác

- *Tác động do tiếng ồn, độ rung:*

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

- *Tác động do chiếm dụng đất lúa:* Việc thu hồi đất trên ảnh hưởng tới các hộ dân bị mất đất sản xuất nông nghiệp, đất canh tác.

- *Tác động do chiếm dụng đất rừng:* Quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng rừng làm giảm diện tích, chức năng của khu rừng, tác động đến hệ sinh thái, độ che phủ do chiếm dụng, ảnh hưởng đến thu nhập người dân bản địa từ những sản vật rừng như củ và động thực vật và các lâm sản khác.

- *Các rủi ro, sự cố môi trường:* Tai nạn giao thông; tai nạn lao động; hư hỏng công trình giao thông, nứt nhà dân ở khu vực gần dự án,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Về nước thải:

a. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- *Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân được đưa về hố lắng có thể tích $1,0 m^3$ (kích thước $1,0m \times 1,0m \times 1,0m$, thời gian lắng 2h); được xây dựng bằng cách đào hố sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm để xử lý nước rửa tay chân của công nhân. Nước sau xử lý được tái sử dụng chống bụi khu vực công trường;*

- *Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) được xử lý bằng 02 nhà vệ sinh di động. Mỗi nhà vệ sinh di động có các thông số kỹ thuật như sau: Kích thước phủ bì: $(CxRxS)cm=(260 \times 90 \times 135)cm$; Kích thước lọt*

lòng mỗi buồng: (CxRxS)cm=(200x85x100)cm; Dung tích: bồn nước là 400 lít và bồn phân là 1.200 lít đặt tại khu lán trại và khu vực đang thi công; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 03 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Nước thải vệ sinh thiết bị, máy móc được thu gom về hệ thống 01 hố lắng có dung tích 6 m³ bố trí tại khu vực rửa xe gần khu vực lán trại công nhân; chủ đầu tư sẽ tiến hành xây dựng 01 hố lắng, hố lắng được xây dựng với dung tích bể 6m³ (kích thước xây dựng 3,0mx2,0mx1,0m, thời gian lắng 2h). Bể được xây dựng bằng cách đào hố sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm bố trí gần khu lán trại, sau đó tái sử dụng chống bụi khu vực công trường thi công.

c. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:

- Thi công đào đắp kết hợp đầm nén đảm bảo độ nén các vật liệu đắp, khi có dự báo có mưa không để các khu vực thi công đào đắp chưa được đầm nén.
- Thu dọn các vật liệu rơi vãi trước khi kết thúc ca thi công, che chắn khu vực thi công khi có mưa, hạn chế các chất rơi vãi bị cuốn theo nước mưa.
- Không tập kết vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại khu vực trũng, thấp hoặc gần các tuyến thoát nước mưa, đồng thời quản lý dầu, mỡ và chất thải nguy hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.
- Thu gom chất thải xây dựng, chất thải sinh hoạt và lưu chứa trong các dụng cụ lưu chứa đã trang bị. Không xả nước thải ra môi trường, rãnh thoát nước,...
- Tại bãi đổ thải, đổ thải đến đâu thực hiện đầm nén, san gạt, lu lèn đến đó để phòng tránh nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát ra môi trường.
- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng có thể tích 0,245 m³ (Kích thước: 0,7mx0,7mx0,5m) để làm nhiệm vụ lắng sơ bộ các chất rắn lơ lửng trước khi thoát ra môi trường

4.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý. Số lượng 02 bộ/người/năm.
- Đối với hoạt động đào đắp, hoạt động đổ thải, thực hiện trút đổ đến đâu, san gạt lu lèn đến đó để giảm bụi khuếch tán vào môi trường.
- Sử dụng xe téc 5,0m³ kết hợp với máy bơm công suất 750w để phun nước dập bụi tại khu vực thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu. Tần suất phun nước 02 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Điều tiết máy móc thi công phù hợp với thời gian và tiến độ thi công để tránh làm gia tăng quá mức độ bụi, khí thải, độ ồn và mức rung động trong khu vực xây dựng công trình

- Bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường tại khu vực cổng ra vào công trường. Xe vận chuyển đất và vật liệu xây dựng từ công trường trước khi ra đường được xịt quả sạch lốp xe và bùn đất dính bên ngoài xe nếu có.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe, xe chở bùn thải phải được gia cố thùng xe bằng bạt HDPE.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

*** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt**

- Trang bị 04 thùng đựng rác có nắp đậy (loại dung tích 30 lít/thùng) tại khu vực lán trại;

- Toàn bộ rác thải sinh hoạt được hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức của công nhân trong vấn đề vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định.

*** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng**

- Đối với thực vật phát quang: Loại cây này được các chủ hộ tận dụng làm nguyên liệu gỗ và tái sử dụng; phần còn lại được hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường tại địa phương thu gom, vận chuyển về bãi xử lý rác thải tập trung để xử lý.

- Đất bóc phong hóa, đất bóc hữu cơ: toàn bộ khối lượng đất đào bóc phong hóa được thu gom, tận dụng trồng cây.

- Đất dư thừa, đất không thích hợp, chất thải rắn xây dựng từ quá trình thi (đất đá thải, bê tông thừa,...) công được thu gom và vận chuyển đến các bãi thải theo thỏa thuận.

- Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng... thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 4 thùng dung tích 50 lít/thùng để thu gom chất thải rắn nguy hại; và 02 thùng phuy với thể tích 100 lít/thùng để thu gom chất thải lỏng nguy hại.

- Các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che đặt tại khu vực lán trại; kết thúc giai đoạn thi công, hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.1.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

+ Phương tiện sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

+ Trang bị bảo hộ lao động giảm ồn cá nhân cho công nhân vận hành phương tiện theo quy định.

+ Đối với sự cố nứt nhà, hư hỏng đường xá... Yêu cầu sử dụng các thiết bị thi công đạt đẳng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng; thực hiện đền bù nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến công trình.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất:*

+ Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù đất, hoa màu, theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết, bảo đảm đủ, kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi dưỡng hỗ trợ và tái định cư.

+ Thực hiện nghiên cứu, thiết kế, đánh giá và so chọn các phương án tuyến, từ đó đề xuất phương án tối ưu sao cho ít ảnh hưởng nhất đến đất rừng. Điều chỉnh hướng tuyến, hạn chế tối đa việc cắt qua các khu vực rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên và giám sát chặt chẽ trong quá trình thi công gần các khu vực này.

- *Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố:*

+ Sự cố tai nạn giao thông: Thực hiện vận chuyển đúng tải trọng quy định, không để xảy ra tình trạng trở quá khổ, quá tải nguyên vật liệu thi công xây dựng gây hư hỏng đường giao thông, bụi, rơi vãi nguyên vật liệu ra đường; thực hiện nghiêm túc quy định che chắn thùng xe, tốc độ di chuyển trên các tuyến đường; không vận chuyển các nguyên vật liệu vào khung giờ cao điểm; cấm biển cảnh báo công trường, biển giao thông, gương cầu lồi tại các điểm đường cua có bán kính hẹp, độ dốc lớn và các điểm có nguy cơ sạt lở, bị lũ ống, lũ quét.

+ Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn, trang bị 3 bình bột PCCC tại khu lán trại tạm.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Theo, Điều 111, 112 Luật BVMT 2020, Điều 97, 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc và giám sát môi trường.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy

định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.